

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Bản án số: 34/2023/DS-ST
Ngày 20/6/2023

V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhân Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đạm

2. Bà Hoàng Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2023/QĐST-DS ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bạch Thị Hồng L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Bạch Vĩnh L1, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1979. Địa chỉ: Đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (ông Linh, bà S đều có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Tạ Thị T, sinh năm 1948. Địa chỉ: Đường G, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

- Bà Bạch Thị Tú L2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Đường D, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

- Ông Bạch Thành L3, sinh năm 1977. Địa chỉ: Đường G, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt)

- Văn phòng Công chứng Lê Đức K. Địa chỉ: Đường S, phường B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức K, chức vụ: Trưởng Văn phòng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Q, chức vụ: Chuyên viên (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bạch Thị Hồng L trình bày:

Sáng ngày 23/5/2020, tại nhà ông Bạch Dương Q và bà Tạ Thị T, địa chỉ: Đường G, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có hai nhân viên của Ngân hàng cho vay tiền đến nhà bố mẹ chúng tôi để làm thủ tục rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố mẹ chúng tôi ra. Sau đó sẽ làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 28, diện tích 723m², địa chỉ thửa đất: Thôn M, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho con là ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S, có sự chứng kiến và đồng ý của 04 chị em chúng tôi. Việc lập hợp đồng tặng cho này do Công chứng viên thuộc Văn phòng Công chứng Lê Đức K, Đường S, phường B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện, số công chứng số 824, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2020. Trong lúc chờ đợi việc sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Công an thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế mời chị em chúng tôi đến làm việc và thông báo cho chúng tôi biết là Văn phòng Công chứng Lê Đức K đã công chứng sai ngày. Sau đó Văn phòng Công chứng Lê Đức K sửa lại số công chứng 704, quyển số 01/TP/CC- SCC/HĐGD ngày 23/5/2020. Tuy nhiên, cha bà là ông Bạch Dương Q, sinh năm 1945, chết ngày 29/5/2020 (theo bản sao trích lục khai tử số 326/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân phường thủy Xuân cấp ngày 07/6/2022, đăng ký số 71 ngày 03/8/2020). Như vậy, cha tôi là ông Bạch Dương Q đã chết trước thời điểm lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên.

Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất do Công chứng viên Văn phòng công chứng Lê Đức K công chứng số 824, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày công chứng 04/6/2020, sau đó sửa lỗi và đính chính số công chứng thành số 704, ngày công chứng thành ngày 23/5/2020 là hợp đồng vô hiệu. Do không có thiệt xảy ra, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại các bản khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:

Nội dung vụ việc như nguyên đơn, bà Bạch Thị Hồng L trình bày. Ông, bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Bạch Thị Hồng L, đề nghị Tòa

án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa bên tặng cho là ông Bạch Dương Q và bà Tạ Thị T, bên được tặng cho là ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S, do Công chứng viên Văn phòng công chứng Lê Đức K công chứng ngày 04/6/2020 số công chứng 704, sau đó sửa lỗi và đính chính ngày công chứng thành ngày 23/5/2020 là hợp đồng vô hiệu. Do không có thiệt xảy ra, không ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông, bà nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại các bản khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị T, bà Bạch Thị Tú L2 và ông Bạch Thành L3 trình bày:

Ông, bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị Hồng L, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa bên tặng cho là ông Bạch Dương Q và bà Tạ Thị T, bên được tặng cho là ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S, do Công chứng viên Văn phòng công chứng Lê Đức K công chứng ngày 04/6/2020 số công chứng 704, sau đó sửa lỗi và đính chính ngày công chứng thành ngày 23/5/2020 là hợp đồng vô hiệu. Do không có thiệt xảy ra, không ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông, bà nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại các bản khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Văn phòng Công chứng Lê Đức K trình bày:

Ngày 23 tháng 5 năm 2020 người yêu cầu công chứng là bà Tạ Thị T, ông Bạch Dương Q lập thủ tục và ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Bạch Vĩnh L1, bà Nguyễn Thị Thu S tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Thôn M, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại thời điểm công chứng vào ngày 23/5/2020 bên yêu cầu công chứng đã xuất trình bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số hiệu W471122 và các giấy tờ theo quy định để công chứng viên đối chiếu, sau đó đã thực hiện công chứng vào ngày 23/5/2020. Khi nhân viên soạn thảo dự thảo hợp đồng công chứng, nhân viên đã ghi nhầm ngày công chứng ở phần lời chứng từ ngày 23 tháng 5 năm 2020 thành ngày 04 tháng 6 năm 2020, sau khi phát hiện lỗi sai sót ở ngày công chứng, công chứng viên Lê Đức K, đã tiến hành đính chính sửa lỗi và đóng dấu qua ngày 23 tháng 5 năm 2020. Văn bản công chứng được lập 03 bản, người yêu cầu công chứng giữ 02 bản, Văn phòng công chứng giữ 01 bản, trong đó có một bản hợp đồng nhân viên đã vào sổ công chứng số 824 là có sai sót và nhầm lẫn.

Việc đính chính sửa lỗi kỹ thuật nêu trên do không tuân thủ quy định của pháp luật về trình tự thủ tục công chứng và việc sửa lỗi kỹ thuật không đảm bảo về mặt trình tự nên Thanh tra Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt lỗi hành vi công chứng của công chứng viên với hình thức phạt tiền. Văn phòng công chứng Lê Đức K và công chứng

viên Lê Đức K nhận thấy văn bản công chứng phát hành ngày 23/5/2020, số công chứng 704 có vi phạm về thủ tục công chứng, sửa lỗi kỹ thuật chưa đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án tuyên văn bản công chứng phát hành ngày 23/5/2020, số công chứng 704 là vô hiệu toàn bộ. Do không có thiệt xảy ra, nên Văn phòng Công chứng Lê Đức K, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị T, bà Bạch Thị Tú L2 và ông Bạch Thành L3 đều yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa bên tặng cho là ông Bạch Dương Q và bà Tạ Thị T, bên được tặng cho là ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S, do Công chứng viên Văn phòng công chứng Lê Đức K công chứng ngày 04/6/2020, số công chứng 704, sau đó sửa lỗi và đính chính ngày công chứng thành ngày 23/5/2020 là hợp đồng vô hiệu và không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa bên tặng cho là ông Bạch Dương Q và bà Tạ Thị T, bên được tặng cho là ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S, do Công chứng viên Văn phòng công chứng Lê Đức K công chứng ngày 04/6/2020, số công chứng 704, sau đó sửa lỗi và đính chính ngày công chứng thành ngày 23/5/2020 là hợp đồng vô hiệu; không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do đương sự không yêu cầu, công nhận sự tự nguyện chịu án phí của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa bên tặng cho

là ông Bạch Dương Q và bà Tạ Thị T, bên được tặng cho là ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S, do Công chứng viên Văn phòng công chứng Lê Đức K công chứng ngày 04/6/2020, số công chứng 704, sau đó sửa lỗi và đính chính ngày công chứng thành ngày 23/5/2020 là hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*” theo quy định tại khoản 11, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn là ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S có địa chỉ cư trú tại Đường N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[1.2]. Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Văn phòng Công chứng Lê Đức K vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Văn phòng Công chứng Lê Đức K.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn, bà Bạch Thị Hồng L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa bên tặng cho là ông Bạch Dương Q và bà Tạ Thị T, bên được tặng cho là ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S, do Công chứng viên Văn phòng công chứng Lê Đức K công chứng ngày 04/6/2020 số công chứng 704, sau đó sửa lỗi và đính chính ngày công chứng thành ngày 23/5/2020 là hợp đồng vô hiệu, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 04/6/2020, bà Tạ Thị Thảo và ông Bạch Dương Q lập thủ tục và ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 28, diện tích 723m², địa chỉ thửa đất: Thôn M, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cho vợ chồng ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S. Việc lập hợp đồng tặng cho này do Công chứng viên Lê Đức K thuộc Văn phòng Công chứng Lê Đức K thực hiện, số công chứng 704, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD. Theo bản sao trích lục khai tử do Ủy ban nhân dân phường Thủy Xuân, thành phố Huế cấp thì ông Bạch Dương Q, sinh ngày 20/11/1945 đã chết vào lúc 08 giờ 40 phút ngày 29 tháng 5 năm 2020, nơi chết: Tổ B, phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Như vậy, ông Bạch Dương Q chết trước thời điểm lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên. Sau đó Văn phòng Công chứng Lê Đức K thực hiện việc sửa lỗi và đính chính vào trang số 05 của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 04/6/2020, số công chứng 704, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD là: “*ngày 23 tháng 5 năm 2020*” có chữ ký của Công chứng viên và đóng dấu Văn phòng Công chứng Lê Đức K.

Tại khoản 1, Điều 50 luật Công chứng 2014 quy định: “1. *Lỗi kỹ thuật là*

lỗi do sai sót trong khi ghi chép, đánh máy, in ấn trong văn bản công chứng mà việc sửa lỗi đó không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của người tham gia hợp đồng, giao dịch;

Khoản 1, Điều 51 luật Công chứng 2014 quy định: “1. Việc công chứng sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được công chứng chỉ được thực hiện khi có sự thỏa thuận, cam kết bằng văn bản của tất cả những người đã tham gia hợp đồng, giao dịch đó”.

Khi thực hiện việc đính chính, sửa lỗi kỹ thuật từ ngày 04/6/2020 thành ngày 23/5/2020 trong khi ông Bạch Dương Q (một trong các bên chuyển nhượng) đã chết vào ngày 29/5/2020 là vi phạm Luật Công chứng 2014 như đã viện dẫn ở trên; việc làm này của Văn phòng Công chứng Lê Đức K đã bị Thanh tra Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt lỗi hành vi công chứng của Công chứng viên với hình thức phạt tiền. Như vậy, việc đính chính, sửa lỗi kỹ thuật là vi phạm điều cấm của luật.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Bạch Thị Hồng L, tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa bên tặng cho là ông Bạch Dương Q và bà Tạ Thị T, bên được tặng cho là ông Bạch Vĩnh L và bà Nguyễn Thị Thu S, do Công chứng viên Văn phòng công chứng Lê Đức K công chứng ngày 04/6/2020, số công chứng 704, sau đó sửa lỗi và đính chính ngày công chứng thành ngày 23/5/2020 là hợp đồng vô hiệu.

[3]. Theo khoản 2 và khoản 4 Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu thì “...2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận...4. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường...”. Mặc dù Tòa án đã giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu nhưng nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, nếu sau này các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chi án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng; nguyên đơn không phải chịu án phí, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu án phí thay cho bị đơn, nên công nhận ý kiến của nguyên đơn, nguyên đơn chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà nguyên đơn bà Bạch Thị Hồng L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005558 ngày 22/02/2023 tại Chi

cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117; Điều 122 và Điều 123 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 40; Điều 41; Điều 48; Điều 50, 51 Điều 52 của Luật Công chứng năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bạch Thị Hồng L.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, giữa bên tặng cho là ông Bạch Dương Q và bà Tạ Thị T, bên được tặng cho là ông Bạch Vĩnh L1 và bà Nguyễn Thị Thu S do Công chứng viên Văn phòng công chứng Lê Đức K công chứng ngày 04/6/2020, số công chứng 704, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD, sau đó sửa lỗi và đính chính ngày công chứng thành ngày 23/5/2020 là hợp đồng vô hiệu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Bạch Thị Hồng L, bà L tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Bạch Thị Hồng L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005558 ngày 22/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không

có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Huế;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS Tp Huế;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Nhân Đức